

Số: 354/BC-CTTL

Hoa Lư, ngày 20 tháng 7 năm 2026

BÁO CÁO GIÁM SÁT QUÝ II NĂM 2026

Kính gửi:

- UBND tỉnh Ninh Bình;
- Sở Tài chính.

Căn cứ Luật quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15 ngày 14/6/2025;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 365/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 về giám sát, kiểm tra, đánh giá, xếp loại báo cáo công khai thông tin trong quản lý, đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp; số 366/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Thực hiện Văn bản số 3340/STC-DN ngày 08/4/2026 của Sở Tài chính tỉnh Ninh Bình về việc triển khai thực hiện báo cáo giám sát, báo cáo tình hình quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp và báo cáo đánh giá hiệu quả, xếp loại doanh nghiệp;

Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi tỉnh Ninh Bình lập Báo cáo tự giám sát Quý II năm 2026 như sau:

I. Nghị quyết, quyết định của Chủ tịch và Giám đốc Công ty

STT	Số văn bản	Ngày	Nội dung văn bản
1	Quyết định số 35/QĐ-CTTL	08/04/2026	Quyết định về việc điều chuyển vật tư thiết bị
2	Quyết định số 36/QĐ-CTTL	14/04/2026	Quyết định về việc thành lập đoàn điều tra đánh giá hiện trạng công trình đập hồ chứa trước mùa mưa lũ năm 2026
3	Quyết định số 37/QĐ-CTTL	16/04/2026	Quyết định về việc phân công giao nhiệm vụ người làm công tác ATVSLĐ theo chế độ chuyên trách và kiêm nhiệm tại phòng Kỹ thuật & Quản lý công trình
4	Quyết định số 38/QĐ-CTTL	16/04/2026	Quyết định về việc kiện toàn Ban chỉ huy phòng thủ dân sự của Công ty
5	Quyết định số 53/QĐ-CTTL	21/04/2026	Quyết định về việc kiện toàn Ban chỉ đạo Tháng hành động về ATVSLĐ hàng năm của Công ty
6	Quyết định số 54/QĐ-CTTL	21/04/2026	Quyết định về việc kiện toàn mạng lưới an toàn vệ sinh viên

STT	Số văn bản	Ngày	Nội dung văn bản
7	Quyết định số 55/QĐ-CTTL	21/04/2026	Quyết định về việc kiện toàn Đoàn kiểm tra an toàn vệ sinh lao động của Công ty
8	Quyết định số 58/QĐ-CTTL	29/04/2026	Quyết định phê duyệt dự toán mua sắm , cung cấp dịch vụ đào tạo, bồi dưỡng nâng bậc nghề đợt I/2026
9	Quyết định số 59/QĐ-CTTL	06/05/2026	Quyết định về việc kiện toàn Tiểu Ban chỉ huy phòng thủ dân sự của Công ty của Văn phòng Công ty
10	Quyết định số 62/QĐ-CTTL	08/05/2026	Quyết định về việc phê duyệt kết quả rà soát tiếp tục quy hoạch chức danh PGĐ Công ty nhiệm kỳ 2026-2031
11	Quyết định số 63/QĐ-CTTL	08/05/2026	Quyết định về việc phê duyệt kết quả rà soát tiếp tục quy hoạch chức danh Kế toán trưởng nhiệm kỳ 2026-2031
12	Quyết định số 64/QĐ-CTTL	13/05/2026	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch tổ chức huấn luyện An toàn
13	Quyết định số 66/QĐ-CTTL	15/05/2026	Quyết định về việc cử công nhân lao động trực tiếp đi đào tạo bồi dưỡng nâng bậc nghề
14	Quyết định số 68/QĐ-CTTL	19/05/2026	Quyết định về việc phê duyệt dự toán gói thầu tổ chức huấn luyện An toàn vệ sinh lao động 2026
15	Quyết định số 69/QĐ-CTTL	20/05/2026	Quyết định về việc phê duyệt lựa chọn nhà thầu tổ chức huấn luyện An toàn vệ sinh lao động 2026
16	Quyết định số 77/QĐ-CTTL	23/05/2026	Quyết định về việc phê duyệt kết quả chỉ định thầu gói huấn luyện An toàn vệ sinh lao động 2026
17	Quyết định số 78/QĐ-CTTL	29/05/2026	Quyết định về việc điều chuyển vật tư thiết bị
18	Quyết định số 80/QĐ-CTTL	29/05/2026	Quyết định về việc điều phê duyệt chiến lược phát triển doanh nghiệp 05 năm giai đoạn 2026-2030
19	Quyết định số 86/QĐ-CTTL	10/06/2026	Quyết định về việc phê duyệt kết quả rà soát quy hoạch cán bộ lãnh đạo quản lý
20	Quyết định số 89/QĐ-CTTL	17/06/2026	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch mua vật tư thiết bị phục vụ bảo dưỡng sửa chữa vận hành công trình phục vụ sản xuất
21	Quyết định số 127/QĐ-CTTL	27/06/2026	Quyết định về việc phê duyệt kết quả chỉ định thầu gói mua sắm vật tư, thiết bị phục vụ bảo dưỡng sửa chữa vận hành công trình

II. Kết quả thực hiện kế hoạch kinh doanh quý II năm 2026

1. Tình hình sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính (Có biểu mẫu số 03.A kèm theo)

1.1. Sản lượng sản xuất

Kết quả nghiệm thu diện tích tưới, tiêu, cấp nước và tiêu thoát nước quý II năm 2026 là: 20.529,49 ha, đạt 100% so với Kế hoạch quý II năm 2026; đạt 69,43% so với thực hiện cùng kỳ năm 2025; đạt 69,10% so với thực hiện cùng kỳ năm 2024.

1.2. Tổng doanh thu thực hiện

Tổng doanh thu quý II năm 2026: 23.186 triệu đồng.

Trong đó:

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: 22.888 triệu đồng, bao gồm:
 - + Doanh thu thực hiện các sản phẩm, dịch vụ công ích: 22.404 triệu đồng;
 - + Doanh thu từ các hoạt động thủy lợi khác: 6 triệu đồng;
 - + Doanh thu từ hoạt động tưới, tiêu thay thế: 478 triệu đồng
- Doanh thu hoạt động tài chính: 298 triệu đồng;

1.3. Lợi nhuận thực hiện: 0 đồng

1.4. Tình hình thực hiện sản phẩm dịch vụ công ích

- Sản phẩm dịch vụ công ích của Công ty là diện tích tưới nước, tiêu nước, cấp nước cho sản xuất nông nghiệp; diện tích tiêu, thoát nước khu vực nông thôn, đô thị (trừ nội thị). Công ty thực hiện ký kết hợp đồng, nghiệm thu đúng, đủ về diện tích và biện pháp phục vụ; đảm bảo chất lượng tưới nước, không để nước mặn vào đồng. Phục vụ kịp thời cho sản xuất nông nghiệp, không để xảy ra tình trạng hạn, úng kéo dài làm ảnh hưởng đến năng suất, chất lượng cây trồng.

- Tổng sản phẩm dịch vụ công ích thực hiện quý I năm 2026 là 20.529,49 ha. Trong đó: Diện tích tưới, tiêu, cấp nước cho sản xuất nông nghiệp là 14.802,41 ha; diện tích tiêu, thoát nước khu vực nông thôn, đô thị (trừ nội thị) là 5.727,08 ha.

1.5. Phân tích lưu chuyển tiền tệ trong kỳ báo cáo của doanh nghiệp

- Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh -21.149 triệu đồng
- Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư là 25.000 triệu đồng
- Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ 4.351 triệu đồng
- Tiền và tương đương tiền đầu kỳ là 1.794 triệu đồng
- Tiền và tương đương tiền cuối kỳ là 6.145 triệu đồng

Công ty có đủ lượng tiền mặt để trả nợ cũng như trang trải các khoản chi phí thường kỳ.

2. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước, tình hình phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ (Có biểu mẫu số 03.B kèm theo)

Công ty đã kê khai, nộp thuế và các khoản phải nộp ngân sách nhà nước. Tổng số thuế và các khoản phải nộp ngân sách phát sinh quý II năm 2026 là 242,3 triệu đồng; trong đó: Tiền thuế giá trị gia tăng đầu ra phải nộp: 38,7 triệu đồng; tiền thuê đất và thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: 202,6 triệu đồng; tiền thuế TNCN: 1 triệu đồng.

Trong quý I năm 2026, Công ty không có lợi nhuận để trích lập các quỹ. Số dư Quỹ khen thưởng, phúc lợi tại thời điểm 30/6/2026 là 0 đồng.

3. Cơ cấu tài sản, nguồn vốn, nợ phải thu, nợ phải trả quý II năm 2026 (Có biểu mẫu số 03.B kèm theo)

3.1. Tình hình bảo toàn và phát triển vốn

- Vốn chủ sở hữu tại thời điểm 30/6/2026: 3.221.223 triệu đồng
- Tổng tài sản tại thời điểm 30/6/2026: 3.247.855 triệu đồng
- Lợi nhuận sau thuế: 0 đồng

$$\begin{aligned} \text{Mức độ bảo toàn vốn} &= \frac{\text{Vốn chủ sở hữu của Công ty tại thời điểm 30/6/2026}}{\text{Vốn chủ sở hữu của Công ty tại thời điểm 31/12/2025}} \\ &= \frac{3.221.223}{3.222.772} = 0,999 \end{aligned}$$

Hệ số bảo toàn vốn (H) = 0,999

- Trong quý II/2026, vốn chủ sở hữu của Công ty được bảo toàn. Công ty đã thực hiện việc quản lý nguồn vốn Nhà nước giao đúng quy định, có hiệu quả, không để thất thoát vốn.

3.2. Tình hình quản lý tài sản

- Tài sản của Công ty được bảo toàn, sử dụng đúng mục đích, phát huy tốt hiệu quả. Trong quý, Công ty đã tiến hành sửa chữa thường xuyên, bảo dưỡng, bảo trì đúng quy định, đã hạn chế được tình trạng hư hỏng, xuống cấp của công trình.

- Thẩm quyền quyết định việc đầu tư, mua sắm tài sản trong kỳ:

Công ty thực hiện theo đúng Điều lệ Công ty được UBND tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 1222/QĐ-UBND ngày 08/11/2021 và Quy chế tài chính của Công ty được UBND tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 1753/QĐ-UBND ngày 20/12/2016.

Đối với các công trình, dự án có nguồn vốn ngân sách cấp: thẩm quyền quyết định đầu tư là UBND tỉnh Ninh Bình.

- Trích khấu hao tài sản cố định được thực hiện theo các văn bản sau: Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013; Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016; Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/4/2017 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định; Thông tư số 73/2018/TT-BTC ngày 15/8/2018 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn sử dụng nguồn tài chính trong quản lý, khai thác công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước. Công ty thực hiện trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng, theo quy định của Bộ Tài chính và pháp luật liên quan.

- Tình hình thanh lý tài sản, kiểm kê trong kỳ được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật và quy chế tài chính của Công ty, đối với những tài sản, thiết bị, dây chuyền quan trọng, trực tiếp phục vụ cho nhiệm vụ cung ứng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi, Công ty chỉ thanh lý khi có văn bản chấp thuận của UBND tỉnh Ninh Bình.

3.3. Tình hình quản lý nợ phải thu, phải trả

- Công ty đã thực hiện theo Quyết định số 77/QĐ-CTKTCTTL(CT) ngày 17/12/2021 kèm theo Quy chế quản lý nợ theo đúng quy định tại Nghị định 206/2013/NĐ-CP ngày 09/12/2013 của Chính phủ về quản lý nợ của doanh nghiệp. Công ty đã phân loại và đôn đốc thu hồi các khoản nợ phải thu. Các khoản phải thu ngắn hạn đến ngày 30/6/2026 là 2.978 triệu đồng.

Trong đó:

- + Trả trước cho người bán ngắn hạn: 2.763 triệu đồng;
- + Phải thu ngắn hạn khác: 210 triệu đồng (chủ yếu là nợ phải thu lãi ngân hàng và nợ tạm ứng lương của cán bộ công nhân viên).

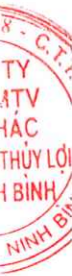
- Công ty không có nợ phải trả quá hạn. Nợ ngắn hạn tại thời điểm 30/6/2026 là 25.027 triệu đồng.

Trong đó:

+ Phải trả người bán ngắn hạn: 8.628 triệu đồng (là giá trị nghiệm thu công trình chưa thanh toán cho bên nhà thầu), khoản nợ này sẽ được thanh toán vào kỳ tiếp theo;

+ Phải trả người lao động: 3.108 triệu đồng (là khoản tiền lương của cán bộ, người lao động chưa thanh quyết toán tại thời điểm 30/6/2026);

+ Người mua trả tiền trước ngắn hạn: 11.575 triệu đồng (là kinh phí ngân sách nhà nước cấp tạm ứng đặt hàng cung cấp sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi năm 2026);



+ Phải trả ngắn hạn khác: 1.701 triệu đồng (là các khoản Bảo hiểm xã hội, Kinh phí công đoàn chưa nộp tính đến ngày 30/6/2026; khoản phải trả tiền nuôi trồng thủy sản cho UBND các xã;...).

- Khả năng thanh toán nợ của Công ty:

Tổng tài sản ngắn hạn tại thời điểm 30/6/2026 là: 35.943 triệu đồng

Tổng số nợ phải trả ngắn hạn tại thời điểm 30/6/2026 là: 25.027 triệu đồng

Khả năng thanh toán ngắn hạn là 1,436 lần.

+ Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu:

Tổng số nợ phải trả tại thời điểm 30/6/2026 là: 26.632 triệu đồng

Vốn chủ sở hữu tại thời điểm 30/6/2026 là: 3.221.223 triệu đồng

Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu là: 0,008 lần.

4. Tình hình hoạt động đầu tư

Trong quý II năm 2026, Công ty đã hạch toán tăng tài sản cố định và đưa vào sử dụng dự án Nâng cấp trạm bơm Đầm Khánh theo Quyết định số 189/QĐ-STC ngày 30/3/2026 của Sở Tài chính tỉnh Ninh Bình về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án dừng thực hiện dự án Nâng cấp trạm bơm Đầm Khánh.

5. Tình hình chấp hành chế độ, chính sách và pháp luật

5.1. Chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội và các chế độ khác

- Công ty thực hiện chế độ đối với người lao động theo quy định của Bộ luật lao động, Nội quy lao động của Công ty và Thỏa ước lao động tập thể. Tiền lương và các chế độ đối với người lao động được thanh toán đầy đủ và kịp thời. Do tình hình tài chính của Công ty gặp nhiều khó khăn nên Công ty tạm thời chưa thanh toán chế độ ăn giữa ca cho người lao động. Tạm ứng tiền lương cho người lao động quý II năm 2026 theo đúng quy định, thu nhập bình quân của cán bộ, người lao động xấp xỉ 5,8 triệu đồng/người/tháng.

- Chế độ BHXH, BHYT, Kinh phí công đoàn được đóng đầy đủ, kịp thời, mọi chế độ như ốm đau thai sản được thanh toán đảm bảo đúng quy định.

- Công ty đã thực hiện tạm ứng lương, thanh toán lương, phụ cấp lương và các chế độ cho 100% cán bộ công nhân viên qua tài khoản tại các hệ thống ngân hàng.

- Thực hiện tốt chế độ bảo hộ lao động; công tác bảo vệ môi trường, vệ sinh an toàn lao động được quan tâm, bố trí sắp xếp lao động khoa học, phù hợp điều kiện thực tế, bố trí lao động làm việc có hiệu quả cao.

5.2. Chế độ tài chính, kế toán, thống kê, công khai

Công ty thực hiện hạch toán kế toán và quản lý tài chính theo quy định của Luật kế toán; tổ chức công tác thống kê kế toán theo quy định. Công khai tài chính và công bố thông tin hoạt động tài chính của Công ty được thực hiện theo quy định.

5.3. Chế độ báo cáo tài chính, báo cáo giám sát tài chính, báo cáo thống kê

Công ty thực hiện các báo cáo đúng nội dung theo quy định.

III. Kết quả giám sát nội bộ

- Công ty đã thành lập đoàn kiểm tra đánh giá việc chấp hành và thực hiện nhiệm vụ được giao của người lao động. Trong quý II năm 2026, Công ty đã ban hành Kế hoạch đồng khởi các trạm bơm tiêu năm 2026 để đánh giá thực trạng máy bơm và thiết bị cơ điện phục vụ tiêu úng năm 2026; xây dựng Kế hoạch triển khai các hoạt động hưởng ứng Tháng hành động về ATVSLĐ năm 2026 của Công ty.

- Công ty thực hiện kiểm soát chặt chẽ các khoản chi phí thường xuyên theo đúng định mức, tiêu chuẩn, chế độ hiện hành của Nhà nước và của Công ty, đảm bảo tiết kiệm và đạt hiệu quả cao. Chủ động quán triệt và thường xuyên nhắc nhở toàn thể cán bộ, người lao động thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, khai thác và sử dụng tài nguyên tại doanh nghiệp. Quản lý sát sao, có hiệu quả các chi phí, đẩy mạnh việc tiết kiệm điện năng, chi phí nguyên, nhiên, vật liệu, chi phí quản lý,...

- Xây dựng và giao các kế hoạch cho các đơn vị (kế hoạch tài chính, kế hoạch sản xuất, kế hoạch cấp phát vật tư, nguyên liệu tra dầu, bảo dưỡng máy đóng mở, kế hoạch bơm dầu, điện dã chiến, kế hoạch sửa chữa công trình,...) đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm, bám sát với thực tế và đúng quy định của pháp luật.

- Kết quả cụ thể:

+ Đánh giá thực trạng máy móc thiết bị, trạm bơm trước mùa mưa lũ năm 2026; kịp thời phát hiện hư hỏng phát sinh, tiếp tục sửa chữa để đảm bảo tối đa số máy bơm vận hành tiêu úng; đánh giá lưới điện và máy biến áp cung cấp nguồn điện cho các trạm bơm.

+ Tuyên truyền, phổ biến, triển khai Luật ATVSLĐ và các văn bản hướng dẫn thi hành đến người lao động; xây dựng văn hóa an toàn tại nơi làm việc, góp phần hạn chế tối đa xảy ra tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, đảm bảo sự ổn định và an toàn trong hoạt động sản xuất.

+ Chế độ quản lý tài chính được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả, không để xảy ra các trường hợp vi phạm.



Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thuỷ lợi tỉnh Ninh Bình trân trọng báo cáo./gNB

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu TCKH, VT.



CHỦ TỊCH CÔNG TY

Lê Tuấn Hòa

CÔNG TY TNHH MTV KTCT THỦY LỢI

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH QUÝ II NĂM 2026

(Kèm theo Báo cáo số ~~34~~³⁵/BC-CTTL ngày 20/7/2026 của Công ty TNHH MTV KTCT thủy lợi tỉnh Ninh Bình)

ĐVT: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện Quý II năm 2024	Thực hiện Quý II năm 2025	Quý II năm 2026		Biến động so với (tỷ lệ %)		
		[1]	[2]	Kế hoạch [3]	Thực hiện [4]	Cùng kỳ năm 2024 [5]=[4]/[1]	Cùng kỳ năm 2025 [6]=[4]/[2]	Kế hoạch Quý II/2026 [7]=[4]/[3]
A	Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh							
1	Sản lượng sản xuất SP chủ yếu (ha)	29.710,5	29.567,6	20.529,5	20.529,5	69,10	69,43	100,00
2	Sản lượng tiêu thụ SP chủ yếu (ha)	29.710,5	29.567,6	20.529,5	20.529,5	69,10	69,43	100,00
3	Tồn kho cuối kỳ	-	-	-	-			
B	Chỉ tiêu tài chính							
1	DT bán hàng và cung cấp dịch vụ	18.942	40.389	25.761	22.888	120,83	56,67	88,85
2	Các khoản giảm trừ doanh thu		-		-			
3	DT thuần về bán hàng và CCDV	18.942	40.389	25.761	22.888	120,83	56,67	88,85
4	Giá vốn hàng bán	17.313	17.393	24.036	21.463	123,97	123,40	89,30
5	LN gộp về bán hàng và CCDV	1.629	22.996	1.725	1.425	87,48	-	82,60
6	Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý BDS đầu tư		-		-			
7	Doanh thu hoạt động tài chính	127	119	125	298	234,65	250,42	238,40
8	Chi phí tài chính	-	-	-	-			
9	Chi phí bán hàng	-	-	-	-			

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện Quý II năm 2024		Thực hiện Quý II năm 2025		Quý II năm 2026		Biến động so với (tỷ lệ %)		
		[1]	1.756	[2]	1.855	Kế hoạch	Thực hiện	Cùng kỳ năm 2024	Cùng kỳ năm 2025	Kế hoạch Quý II/2026
10	Chi phí quản lý doanh nghiệp					[3]	[4]	[5]=[4]/[1]	[6]=[4]/[2]	[7]=[4]/[3]
11	Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD	-		21.260		0	-	98,12	92,88	93,14
12	Thu nhập khác	-		-	-		-			
13	Chi phí khác	-		-	-		-			
14	Lợi nhuận khác	-		-	-	-	-			
15	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	-		21.260		0	-			
16	Chi phí thuế TNDN hiện hành	-		-	-	-	-			
17	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-		-	-	-	-			
18	Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN	-		21.260		0	-			
C	Hiệu quả sử dụng vốn									
1	LNST/TTS (ROA)	0		0		0	0			
2	LNST/VCSH (ROE)	0		0		0	0			
3	LNST/DT THUẦN (ROS)	0		0		0	0			

NGƯỜI LẬP BIỂU

Nguyễn Thị Nhật Linh

Nguyễn Thị Nhật Linh

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Lê Tuấn Anh

Lê Tuấn Anh

Hoa Lư, ngày 20 tháng 7 năm 2026

CHỦ TỊCH CÔNG TY



Lê Tuấn Hòa

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Báo cáo số 354/BC-CTTL ngày 20/7/2026 của Công ty TNHH MTV KTCT thủy lợi tỉnh Ninh Bình)

DVT: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Số còn phải nộp kỳ trước chuyển sang	Số phát sinh phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số còn phải nộp chuyển sang kỳ sau	Số tiền thuế GTGT, TTĐB còn được khấu trừ
1	Thuế	0,2	242,3	227,6	14,9	
	- Thuế GTGT	0,2	38,7	24,0	14,9	
	- Thuế TNDN					
	- Thuế TTĐB					
	- Thuế xuất khẩu, nhập khẩu					
	- Các khoản thuế khác	-	203,6	203,6	-	
2	Các khoản phải nộp khác	-	-	-	-	
	- Phí, lệ phí	-	-	-	-	
	- Tiền chậm nộp, tiền phạt	-				
	- Các khoản phải nộp khác					
3	Nộp Ngân sách nhà nước theo quy định					

II. TÌNH HÌNH PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN, TRÍCH LẬP CÁC QUỸ QUÝ II NĂM 2026

(Kèm theo Báo cáo số 354/BC-CTTL ngày 20/7/2026 của Công ty TNHH MTV KTCT thủy lợi tỉnh Ninh Bình)

DVT: triệu đồng

TT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
1	Tổng LNST phân phối	-	
2	Các khoản được phân phối theo quy định	-	
3	Trích lập các Quỹ	-	
4	Nộp NSNN	-	
5	LNST chưa phân phối chuyển năm sau	-	

III. TÌNH HÌNH TRÍCH LẬP VÀ SỬ DỤNG CÁC QUỸ QUÝ II NĂM 2026

(Kèm theo Báo cáo số 34/BC-CTTL ngày 20/7/2026 của Công ty TNHH MTV KTCT thủy lợi tỉnh Ninh Bình)

ĐVT: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Dư đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Dư cuối kỳ
1	Quỹ Đầu tư phát triển	-	-	-	-
2	Quỹ Khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-
3	Quỹ đặc thù khác (nếu có)	-	-	-	-

IV. CƠ CẤU TÀI SẢN, NGUỒN VỐN, NỢ PHẢI THU, NỢ PHẢI TRẢ QUÝ II NĂM 2026

(Kèm theo Báo cáo số 35/BC-CTTL ngày 20/7/2026 của Công ty TNHH MTV KTCT thủy lợi tỉnh Ninh Bình)

ĐVT: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Đầu kỳ báo cáo	Cuối kỳ báo cáo	Chênh lệch (+/-)
1	Tổng tài sản	3.266.894	3.247.854	(19.040)
	Tài sản ngắn hạn	54.670	35.943	(18.727)
	Tài sản dài hạn	3.212.224	3.211.911	(313)
2	Tổng nguồn vốn	3.266.894	3.266.894	-
	Trong đó Vốn chủ sở hữu:	3.221.223	3.221.223	-
	+ Vốn góp của chủ sở hữu	3.221.223	3.221.223	-
	+ LNST chưa phân phối	-	-	-
3	Quản lý nợ			
3.1	Nợ phải thu	309	2.978	2.669
	Nợ phải thu ngắn hạn	309	2.978	2.669
	Nợ phải thu dài hạn	-	-	-
3.2	Nợ phải trả	45.671	26.632	(19.039)
	Nợ phải trả ngắn hạn	44.066	25.027	(19.039)
	Nợ phải trả dài hạn	1.605	1.605	-
3.3	Chỉ tiêu			
	Nợ phải trả/ Tổng tài sản	0,014	0,008	(0,006)
	Nợ phải trả/ Vốn chủ sở hữu	0,014	0,008	(0,006)
4	Chỉ tiêu thanh toán			-
	Khả năng thanh toán tổng quát	71,531	121,953	50,422
	Khả năng thanh toán ngắn hạn	1,241	1,436	0,196
	Khả năng thanh toán nhanh	1,171	1,314	0,143

Hoa Lư, ngày 20 tháng 7 năm 2026

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

CHỦ TỊCH CÔNG TY



Nguyễn Thị Nhật Linh

Lê Tuấn Anh

Lê Tuấn Hòa

CÔNG TY TNHH MTV KTCT THỦY LỢI

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH
Quý II năm 2026

(Kèm theo Báo cáo số 34/BC-CTTL ngày 20/7/2026 của Công ty TNHH MTV KTCT thủy lợi tỉnh Ninh Bình)

STT	Nội dung	Đơn vị	Năm 2025				Năm 2026			
			Kế hoạch năm 2025	Thực hiện quý II năm 2025	Thực hiện năm 2025	So sánh TH năm/KH năm (%)	Kế hoạch năm 2026	Thực hiện quý II năm 2026	So sánh TH quý/KH năm 2026	So sánh TH quý II năm 2026/quý II năm 2025 (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(6)/(4)	(8)	(9)	(10)=(9)/(8)	(11)=(9)/(5)
1	Sản lượng sản xuất SP chủ yếu (ha)	ha	138.653,2	29.567,55	139.288,2	100,5	106.733,36	20.529,50	19,2	69,4
2	Sản lượng tiêu thụ SP chủ yếu (ha)	ha	138.653,2	29.567,55	139.288,2	100,5	106.733,36	20.529,50	19,2	69,4
3	Doanh thu	Triệu đồng	122.414	40.508	144.143	117,8	101.855	23.186	22,8	57,2
4	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	-	21.260	-	-	-	-	-	-
5	Nộp ngân sách nhà nước	Triệu đồng	350,0	240,5	336,6	96,2	354,0	227,6	64,3	94,6
6	Kế hoạch đầu tư									
6.1	Tổng vốn đầu tư	Triệu đồng	56.446	-	55.352	98,1	-	14.928	-	-
6.2	Giá trị thực hiện	Triệu đồng	56.446	-	55.352	98,1	-	11.611	-	-
6.3	Giá trị giải ngân thực tế	Triệu đồng	56.446	-	19.259	34,1	-	11.386	-	-

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG





Nguyễn Thị Nhật Linh

Lê Tuấn Anh

Hoa Lư, ngày 20 tháng 7 năm 2026



Lê Tuấn Hòa

